

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 26 - 9 -2019
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Diệu
2. Ông Đồng Xuân Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - cán B Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QQĐST-DS ngày 10 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962; địa chỉ: Số 01, ngách 9, ngõ 35, đường Đà Nẵng, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bà Bùi Thị N sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- Ông Nguyễn Đình Đ (tên gọi khác Nguyễn Đình H) sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 105, Phố Mới, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình Đ:* Bà Hà Thị H; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Bùi Văn Bình và bà Trương Thị Hòa- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L:* Bà Bùi Thị Hằng – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Intercode - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2014 và các lời khai tại Tòa án cũng như lời khai tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Bố đẻ bà T là cụ Nguyễn Đình X, sinh năm 1930 (tên gọi là Nguyễn Đình Súc, Nguyễn Đình Súc), mẹ đẻ bà T là cụ Lê Thị M, sinh năm 1928. Điều trú tại: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bố mẹ bà T sinh được 6 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đình Đ (tên gọi khác Nguyễn Đình H) và Nguyễn Thị L. Bố mẹ bà không có bố mẹ nuôi, con nuôi, không có con riêng. Bố mẹ đẻ ra bố mẹ bà đều chết trước bố mẹ bà từ rất lâu. Cụ X ngày ngày 30/12/2011, cụ M chết ngày 24/02/2014, đều không để lại di chúc.

Khi bố mẹ bà T còn sống có tạo lập được các tài sản như sau: Về đất ở: Diện tích 939m² tại thôn 3 xã T, huyện T, Hải Phòng. Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà 2 gian cấp 4 khoảng 12 m², 01 nhà bếp; 01 giếng nước và nhà vệ sinh đều đã xuống cấp.

Năm 2006, em trai bà T là Nguyễn Đình B đã tách diện tích đất 535m² từ thửa đất số 514 tờ bản đồ số 14, địa chỉ Thôn 3 T T Hải Phòng đứng tên sở hữu là Nguyễn Đình B và vợ là Nguyễn Thị L. Mảnh đất còn lại số 514 tờ bản đồ số 02 gồm 404m² do bố mẹ bà T đứng tên sở hữu.

Lúc còn sống, bố mẹ bà T làm đơn đề nghị xã giải quyết chuyển quyền sử dụng mảnh đất 404m² của bố mẹ bà T cho 5 người con (trừ con trai trưởng là Nguyễn Đình B đã nhận 535m²) nhưng không được do 2 con trai của ông bà không đồng ý. Năm 2011, bố bà T qua đời, mẹ bà T vẫn tâm nguyện cho 5 người con mảnh đất đang ở số 514 tờ bản đồ số 02 gồm 404m². Mẹ bà T đưa ý kiến của mình với 2 con trai về việc chuyển quyền sử dụng đất cho 5 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình Đ. Khi mẹ bà T

mời địa chính xã xuống đo đạc, chia tách đất cho các con nhưng 2 người con trai vẫn không đồng ý nên ý nguyện cuối cùng của mẹ bà T không thực hiện được.

Ngày 22/1/2018 gia đình bà T họp các thành viên trong gia đình nhất trí đồng thuận là mảnh đất được chia làm 5 theo tâm nguyện của mẹ. Cả 5 người con gồm: T T, Năm, L, Đ đã bắt thăm nhận phần đất của mình. Em trai Nguyễn Đình B cũng đồng ý ký vào biên bản. Khi đại diện gia đình làm đơn đề nghị chính quyền xã xuống đo đạc để chia tách đất theo biên bản đã thỏa thuận thì ông Nguyễn Đình B và ông Nguyễn Đình Đ lại không đồng ý.

Ngày 3/1 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã T có tổ chức buổi hòa giải nhưng không thành công vì em trai bà T là Nguyễn Đình B không đồng ý mặc dù 5 thành viên còn lại trong gia đình đã đồng ý. Hiện nay mảnh đất 404m² của bố mẹ bà T do ông Nguyễn Đình B quản lý và lấn chiếm 1m ngõ chung vào phần đất của mình, đã xây bờ bao kiên cố và không cho chị em bà vào để cúng giỗ bố mẹ.

Nay bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T xem xét giải quyết: Kiện đòi tài sản hiện ông B đang quản lý sử dụng và chia di sản thừa kế của bố mẹ bà T để lại gồm: Diện tích đất 404m² và tài sản trên đất, tại thửa số 514, tờ bản đồ số 02; địa chỉ thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật cho 5 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Năm, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình Đ.

Tại đơn kiến nghị ngày 15/08/2019 và tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu bổ sung hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 589555 do UBND huyện T cấp ngày 15 tháng 9 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình B và vợ là Nguyễn Thị Lý và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 520762 do UBND huyện T cấp ngày 14 tháng 11 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình X và vợ là Lê Thị M và chia di sản thừa kế của cụ X và cụ M là 939m² tại thửa số 514, tờ bản đồ số 02; địa chỉ thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/03/2019 và các lời khai tại Tòa án cũng như lời khai tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình B (là bị đơn) trình bày:

Bố đẻ ông là cụ Nguyễn Đình X, sinh năm 1930 (tên gọi là Nguyễn Đình Súc, Nguyễn Đình Súc), mẹ đẻ ông là cụ Lê Thị M, sinh năm 1928. Điều trú tại: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bố mẹ ông sinh được 6 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đình Đ (tên gọi khác Nguyễn Đình H) và Nguyễn Thị L. Bố mẹ ông không có bố mẹ nuôi, con nuôi, không có con riêng. Bố mẹ đẻ ra bố mẹ ông đều chết trước bố mẹ bà từ rất lâu. Cụ X ngày ngày 30/12/2011, cụ M chết ngày 24/02/2014, đều không để lại di chúc. Khi bố mẹ ông còn sống có tạo lập được các tài sản như sau: Về đất ở: Diện tích 404m² tại thôn 3 xã T, huyện T, Hải Phòng. Tài sản trên đất gồm căn

nhà 2 gian cấp 4 khoảng 12 m², 01 nhà bếp, 01 giếng nước và nhà vệ sinh đều đã xuống cấp. Khi bố mẹ còn sống, các anh em trong gia đình đã họp và thống nhất giao diện tích đất của bố mẹ ông cho ông Nguyễn Đình Đ sử dụng, nếu bán đi thì phải chia đều cho 6 người con, biên bản có chữ ký xác nhận của cả 6 người con. Nay chị ông là Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông theo quy định của pháp luật. Ý kiến của ông Nguyễn Đình B đề nghị Tòa án chia di sản của bố mẹ ông để lại theo quy định của pháp luật. Toàn B phần di sản thừa kế mà ông được hưởng đề nghị Tòa án giao lại cho em trai là Nguyễn Đình H quản lý, sử dụng và định đoạt.

Tại bản tự khai ngày 29/03/2019 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày: Thống nhất với lời khai của bà T về bố mẹ và các anh chị em trong gia đình cũng như tài sản do bố mẹ chết đi để lại gồm: 404m² đất ở tại thôn 3, xã T, huyện Thủy Nguyên. Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà 2 gian cấp 4 khoảng 12 m², 01 giếng nước, 01 nhà bếp và nhà vệ sinh đều đã xuống cấp.

Nay bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T xem xét giải quyết: Chia di sản thừa kế của bố mẹ bà T để lại gồm: Diện tích đất 404m² và tài sản trên đất, tại thửa số 514, tờ bản đồ số 02; địa chỉ thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật cho 5 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L và Nguyễn Đình Đ.

Tại đơn kiến nghị ngày 11/09/2019 và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Năm, Nguyễn Thị L thống nhất yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 589555 do UBND huyện T cấp ngày 15 tháng 9 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình B và vợ là Trần Thị Lý và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 520762 do UBND huyện T cấp ngày 14 tháng 11 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình X và vợ là Lê Thị M và chia di sản thừa kế của cụ X và cụ M là 939m² theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/03/2019 và các lời khai tại Tòa án, ông Nguyễn Đình Đ (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) và bà Hà Thị H (là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình Đ) thống nhất khai:

Bố đẻ ông là cụ Nguyễn Đình X, sinh năm 1930 (tên gọi là Nguyễn Đình Súc, Nguyễn Đình Súc), mẹ đẻ ông là cụ Lê Thị M, sinh năm 1928. Điều trú tại: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bố mẹ ông sinh được 6 người con gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Đình Đ (tên gọi khác Nguyễn Đình H) và Nguyễn Thị L. Bố mẹ ông không có bố mẹ nuôi, con nuôi, không có con riêng. Bố mẹ đẻ ra bố mẹ ông đều chết trước bố mẹ

bà từ rất lâu. Cụ X ngày ngày 30/12/2011, cụ M chết ngày 24/02/2014, đều không để lại di chúc.

Khi bố mẹ ông còn sống có tạo lập được các tài sản như sau: Về đất ở: Diện tích 404m² tại thôn 3 xã T, huyện T, Hải Phòng. Tài sản trên đất gồm căn nhà 2 gian cấp 4 khoảng 12 m², 01 giếng nước, nhà bếp và nhà vệ sinh đã xuống cấp. Trong thời gian ông Đ sinh sống cùng bố mẹ trên phần đất nói trên, ông Đ là người đóng góp nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và có xây thêm 01 bể nước 7m³ và 01 bờ Tòng bao giáp hộ ông Đồng Văn Phương. Năm 2016, gia đình tôi có họp và thống nhất giao diện tích đất của bố mẹ ông Đ cho ông Đ ở, nếu bán đi thì phải chia đều cho 6 người con, biên bản có chữ ký xác nhận của cả 6 người con. Năm 2006, ông Đ chuyển chỗ ở đến thôn 4, xã T cho đến nay. Nay chị ông là Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông Đ theo quy định của pháp luật. Ý kiến của ông Đ đề nghị Tòa án chia di sản của bố mẹ ông để lại theo quy định của pháp luật. Đối với phần tài sản của anh trai ông là Nguyễn Đình B được hưởng, anh trai ông để lại cho ông, ông Đ xin nhận.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 520762 do UBND huyện T cấp ngày 14 tháng 11 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình X và vợ là Lê Thị M do yêu cầu này vẫn còn trong phạm vi khởi kiện và chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các đương sự thể hiện tại biên họp gia đình lập ngày 22/01/2018 chia di sản thừa kế 442,6 m² đất của cụ X, cụ M cho 5 người con là bà T, bà T, bà Năm, bà L và ông Đ.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trình bày: Quá trình thu thập chứng cứ thấy diện tích đất 535m² hiện do ông B đang quản lý sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 589555 do UBND huyện T cấp ngày 15 tháng 9 năm 2006 có nguồn gốc từ diện tích đất 939m² đứng tên cụ X trong sổ mục kê UBND xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình B có dấu hiệu giả mạo chữ ký của cụ X, cụ M, vi phạm pháp luật về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L yêu cầu Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 589555 do UBND huyện T cấp ngày 15 tháng 9 năm 2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình B và vợ là Trần Thị Lý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của B luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 của B luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều Điều 70, 72 của B luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 73 của B luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 39 B luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Đình X chết ngày 30/12/2011 do vậy thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ X là ngày 30/12/2011. Cụ Lê Thị M chết ngày 24/02/2014 nên thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ M là ngày 24/02/2014.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/02/2019 bà T có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X, cụ M. Căn cứ Điều 623 B luật dân sự thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X, cụ M vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 520762 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình X và bà Lê Thị M đối với thửa đất 514, tờ bản đồ số 02, diện tích 404m². Xét thấy việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Căn cứ giải đáp số 02 ngày 19 tháng 09 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vấn đề về tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Xét yêu cầu bổ sung của nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 589555 do UBND huyện T cấp ngày 15/9/2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình B và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất 514, tờ bản đồ số 14, diện tích 535m² vì cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là trái pháp luật. Xét thấy yêu cầu bổ sung nói trên là quan hệ pháp luật khác không liên quan đến yêu cầu khởi kiện ban đầu, vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu nên căn cứ Điều 188; Điều 244 B luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này, nếu đương sự có đơn yêu cầu, Toàn án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án riêng.

Về xác định di sản thừa kế: Tài liệu điều tra thể hiện: Nguồn gốc diện tích đất là 404m² (số đo thực tế là 442,6m²), số thửa 514, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 520762 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình X và bà Lê Thị M. Trên đất có vật kiến trúc và cây cối là tài sản của cụ X, cụ M gồm: 01 nhà cấp xây dựng khoảng năm 1972 (không còn giá trị); 01 giếng nước kê đá (không còn giá trị); 01 sân lát đá núi đỏ (không còn giá trị) ; 14 cây cau trị giá 4.200.000 đồng. Quá trình sử dụng đất, cụ X, cụ M không lấn chiếm đất của ai, không lấn chiếm đất công, không tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề, không nhận chuyển nhượng thêm đất, số đo tăng là do tăng tự nhiên (do kỹ thuật đo đạc khác nhau) nên diện tích đất tăng thêm cũng được coi là di sản thừa kế hợp pháp. Cụ X, cụ M chết đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 650 B luật dân sự toàn B di sản sẽ được chia hết cho những người cùng hàng thừa kế thứ nhất được hưởng kỷ phần di sản bằng nhau.

Xác định hàng thừa kế và kỷ phần:

Cụ Nguyễn Đình X và cụ Lê Thị M có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Năm, ông Nguyễn Đình Đ (tức H) và bà Nguyễn Thị L. Ngoài ra, cụ X, cụ M không còn người con đẻ nào khác, không có con nuôi, không có cha nuôi, mẹ nuôi. Cha đẻ, mẹ đẻ của cụ X, cụ M đều đã chết từ rất lâu và đều chết trước cụ X, cụ M. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B; bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Đình Đ (tức Nguyễn Đình H); và bà Nguyễn Thị L.

Như vậy, toàn B diện tích đất 442,6m² sẽ được chia hiện vật thành 6 kỷ phần bằng nhau cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình B yêu cầu Tòa án chia toàn B kỷ phần di sản mà ông B được hưởng cho ông Nguyễn Đình Đ quản lý, sử dụng và định đoạt. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình Đ đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của ông B và nhận nộp án phí đối với phần di sản thừa kế của ông B. Xét yêu cầu của ông B là tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, chia cho ông Nguyễn Đình Đ được hưởng thêm kỷ phần di sản thừa kế mà ông B được hưởng.

Trên phần đất thuộc di sản của cụ X, cụ M có 01 nhà cấp xây dựng khoảng năm 1972; 01 giếng nước kê đá; 01 sân lát đá núi đỏ, tất cả các công trình nói trên đều không còn giá trị. Đối với 14 cây Cau có giá trị sử dụng là 4.200.000 đồng nằm rải rác trên phần đất di sản, các đương sự không yêu cầu Tòa án chia trị giá 14 cây cau, đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập việc phân chia vật kiến trúc của cụ X, cụ M còn lại trên đất.

Ngoài ra, trên phần đất di sản thừa kế có 01 bể nước 7m³, trị giá 4.500.000 đồng; 01 bờ Tòng bao trị giá 5.050.000 đồng là tài sản do ông Nguyễn Đình Đ xây dựng. Vì vậy để thuận lợi cho việc sử dụng cần chia cho ông Đ được sử dụng phần diện tích có bể nước. Công trình còn lại là 01 bờ Tòng bao nếu kỹ phần của ai được chia có công trình nói trên thì phải thanh toán trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Đ.

Căn cứ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, trên phần ngõ đi chung, có công trình của ông Nguyễn Đình B xây dựng lấn sang phần ngõ đi chung là 24,6m² nên buộc ông Nguyễn Đình B phải tháo dỡ để trả lại nguyên trạng phần ngõ đi chung theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Từ những phân tích nêu trên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 442,6m², thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ X, cụ M, bao gồm cả phần diện tích tăng thêm cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng phần di sản bằng nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của B luật dân sự.

Về án phí: Xét thấy nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi đồng thời là người khuyết tật nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp án phí cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Năm, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình Đ phải chịu án phí theo giá ngạch đối với giá trị kỹ phần di sản được hưởng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 39 B luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Đình X chết ngày 30/12/2011 do vậy thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ X là ngày 30/12/2011. Cụ Lê Thị M chết ngày 24/02/2014 nên thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ M là ngày 24/02/2014.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/02/2019 bà T có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X, cụ M. Căn cứ Điều 623 B luật dân sự thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X, cụ M vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 520762 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình X và bà Lê Thị M đối với thửa đất 514, tờ bản đồ số 02, diện tích 404m². Xét thấy việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Căn cứ giải đáp số 02 ngày 19 tháng 09 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vấn đề về tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 589555 do UBND huyện T cấp ngày 15/9/2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình B và bà Nguyễn Thị Lý đối với thửa đất 514, tờ bản đồ số 14, diện tích 535m² vì cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là trái pháp luật vì đây là diện tích đất 535m² là đất của cụ X và cụ M, ông Nguyễn Đình B đã giả mạo chữ ký để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông B, bà Lý. Nay bà T khởi kiện bổ sung đòi quyền sử dụng diện tích đất 535m² để chia đều cho các con cụ X, cụ M theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu bổ sung của nguyên đơn nói trên là quan hệ pháp luật khác không liên quan đến yêu cầu khởi kiện ban đầu, vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu nên căn cứ Điều 188; Điều 244 B luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này, nếu đương sự có đơn yêu cầu, Toàn án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án riêng.

[2] . Về nội dung:

Xét yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn là bà T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà T, bà Năm, bà L đều yêu cầu Tòa án chia và hưởng bằng hiện vật di sản của cụ X, cụ M thành 5 suất thừa kế cho các suất thừa kế là bà T, bà T, bà Năm, ông Đ, bà L. Ông Nguyễn Đình B không được chia vì theo biên bản họp gia đình lập ngày 22/01/2018, tất cả các người con của cụ X, cụ M đã họp và thống nhất chia di sản của cụ X, cụ M là diện tích đất 404m² thành 5 phần bằng nhau đánh số thứ tự từ 1 đến 5 cho 5 người con gồm: bà T (lô số 3), bà T (lô số 1), bà Năm (lô số 5), ông Đ (lô số 2), bà L (lô số 4).

Bị đơn là ông Nguyễn Đình B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là Nguyễn Đình Đ đều đề nghị Toà án chia di sản của cụ X, cụ M là diện tích đất 404m² thành sáu phần bằng nhau cho sáu người con của cụ X, cụ M theo quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo

quan điểm của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn.

Xác định di sản thừa kế: Tài liệu điều tra thể hiện: Nguồn gốc diện tích đất là 404m² (số đo thực tế là 442,6m²), số thửa 514, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 520762 do UBND huyện T cấp ngày 14/11/2006 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đình X và bà Lê Thị M. Trên đất có vật kiến trúc và cây cối là tài sản của cụ X, cụ M gồm: 01 nhà cấp xây dựng khoảng năm 1972 (không còn giá trị); 01 giếng nước kè đá (không còn giá trị); 01 sân lát đá núi đỏ (không còn giá trị) ; 14 cây cau trị giá 4.200.000 đồng. Quá trình sử dụng đất, cụ X, cụ M không lấn chiếm đất của ai, không lấn chiếm đất công, không tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề, không nhận chuyển nhượng thêm đất, số đo tăng là do tăng tự nhiên (do kỹ thuật đo đạc khác nhau) nên diện tích đất tăng thêm cũng được coi là di sản thừa kế hợp pháp. Cụ X, cụ M chết đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 650 B luật dân sự toàn B di sản sẽ được chia hết cho những người cùng hàng thừa kế thứ nhất được hưởng kỷ phần di sản bằng nhau.

Theo Kết luận định giá ngày 26/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện T, trên phần đất thuộc di sản của cụ X, cụ M có 01 nhà cấp xây dựng khoảng năm 1972; 01 giếng nước kè đá; 01 sân lát đá núi đỏ đều không còn giá trị. Đối với 14 cây Cau có giá trị sử dụng là 4.200.000 đồng nằm rải rác trên phần đất di sản, các đương sự không yêu cầu Tòa án chia trị giá 14 cây cau nên Hội đồng xét xử không đề cập việc phân chia vật kiến trúc của cụ X, cụ M còn lại trên đất.

Ngoài ra, trên phần đất di sản thừa kế có 01 bể nước 7m³, trị giá 4.500.000 đồng; 01 bờ Tòng bao trị giá 5.050.000 đồng là tài sản do ông Nguyễn Đình Đ xây dựng. Vì vậy để thuận lợi cho việc sử dụng cần chia cho ông Đ được sử dụng phần diện tích có bể nước. Công trình còn lại là 01 bờ Tòng bao nếu kỷ phần của ai được chia có công trình nói trên thì phải thanh toán trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Đ.

Căn cứ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, trên phần ngõ đi chung, có công trình của ông Nguyễn Đình B xây dựng lấn sang phần ngõ đi chung là 24,6m² nên buộc ông Nguyễn Đình B phải tháo dỡ để trả lại nguyên trạng phần ngõ đi chung theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Xác định hàng thừa kế và kỷ phần:

Cụ Nguyễn Đình X và cụ Lê Thị M có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Năm, ông Nguyễn Đình Đ (tức H) và bà Nguyễn Thị L. Ngoài ra, cụ X, cụ M không còn người con đẻ nào

khác, không có con nuôi, không có cha nuôi, mẹ nuôi. Cha đẻ, mẹ đẻ của cụ X, cụ M đều đã chết từ rất lâu và đều chết trước cụ X, cụ M. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đình B; bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị Năm; ông Nguyễn Đình Đ (tức Nguyễn Đình H); và bà Nguyễn Thị L.

Như vậy, toàn B diện tích đất 442,6m² sẽ được chia hiện vật thành 6 kỷ phần bằng nhau cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình B yêu cầu Tòa án chia toàn B kỷ phần di sản mà ông B được hưởng cho ông Nguyễn Đình Đ quản lý, sử dụng và định đoạt. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình Đ đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của ông B và nhận nộp án phí đối với phần di sản thừa kế của ông B. Xét yêu cầu của ông B là tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, chia cho ông Nguyễn Đình Đ được hưởng thêm kỷ phần di sản thừa kế mà ông B được hưởng.

Cụ thể như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị T được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 3,4, 11, 12 (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho bà Nguyễn Thị T được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 4, 5, 10, 11 (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho bà Nguyễn Thị N được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 5, 6, 9, 10 (có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho bà Nguyễn Thị L được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 6, 7, 8, 9 (có sơ đồ kèm theo). Bà Nguyễn Thị L được quản lý, sử dụng 01 bờ Tồng bao dài 20,2m, cao 1,5m trên phần đất được chia và có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Đình Đ số tiền 5.050.000 (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền trị giá bờ Tồng bao do ông Nguyễn Đình Đ xây.

- Chia cho ông Nguyễn Đình Đ được sử dụng diện tích đất 146m² (bao gồm cả kỷ phần của ông Nguyễn Đình B) thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 1, 2, 3, 12, 13, 14, 15 (có sơ đồ kèm theo). Ông Nguyễn Đình Đ được tiếp tục sử dụng theo hiện trạng 01 bể nước thể tích 7m³ là công trình của ông Đ xây trên đất di sản. Ông Nguyễn Đình Đ được nhận số tiền 5.050.000 (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền trị giá bờ bao do bà Nguyễn Thị L thanh toán.

Từ những phân tích nêu trên: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 442,6m², thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ X, cụ M, bao gồm cả phần diện tích tăng thêm cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng phần di sản bằng nhau (có sơ đồ kèm theo) là phù hợp với quy định tại các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của B luật dân sự.

[3]. Về án phí: Xét thấy nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi đồng thời là người khuyết tật thuộc trường hợp được miễn nộp án phí quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn nộp án phí cho nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Năm, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình Đ phải chịu án phí theo giá ngạch đối với giá trị kỷ phần di sản được hưởng. Theo Kết luận định giá ngày 26/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện T giá trị quyền sử dụng đất trên thị trường tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng là 3 triệu đồng/m². Như vậy, giá trị kỷ phần di sản mỗi người được hưởng là 73m² x 3.000.000/m² = 219.000.000 đồng x 5% = 10.950.000 đồng. Như vậy, bà T, bà Năm, bà L mỗi người phải nộp 10.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ phải nộp 21.900.000 đồng (bao gồm cả án phí đối với phần di sản của ông Nguyễn Đình B) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn do pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 188; Điều 244; Điều 147 của B luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 của B luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 442,6m², thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cụ thể chia kỷ phần di sản thừa kế như sau:

- Bà Nguyễn Thị T được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 3,4, 11, 12 (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị T được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 4, 5, 10, 11 (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị N được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 5, 6, 9, 10 (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị L được sử dụng diện tích đất 73m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 6, 7, 8, 9 (có sơ đồ kèm theo). Bà Nguyễn Thị L được quản lý, sử dụng 01 bờ Tồng bao dài 20,2m, cao 1,5m trên phần đất được chia và có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Đình Đ số tiền 5.050.000 (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền trị giá bờ Tồng bao do ông Nguyễn Đình Đ xây.

- Ông Nguyễn Đình Đ (tên gọi khác Nguyễn Đình H) được sử dụng diện tích đất 146m² thuộc một phần của thửa đất số 514, tờ bản đồ số 02, tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện tại các mốc giới: 1, 2, 3, 12, 13, 14, 15 (có sơ đồ kèm theo). Ông Nguyễn Đình Đ được tiếp tục sử dụng theo nguyên trạng 01 bể nước thể tích 7m³ là công trình của ông Nguyễn Đình Đ xây trên đất di sản. Ông Nguyễn Đình Đ được nhận số tiền 5.050.000 (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền trị giá bờ bao do bà Nguyễn Thị L thanh toán.

2. Ông Nguyễn Đình B có trách nhiệm tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn sang phần ngõ đi chung là 24,6m² thể hiện tại các mốc giới 2, 16, 17, 18 để trả lại nguyên trạng phần ngõ đi chung theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (có sơ đồ kèm theo).

3. Về lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 B luật dân sự năm 2015 Tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L mỗi người phải nộp 10.950.000 (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đình Đ phải nộp 21.900.000 (Hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Diệu

Đồng Xuân Dũng

Lương Ngọc Anh

